

Số: 1750/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ
của Đại học Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ của Đại học Thái Nguyên;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng ban Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại, Trưởng các ban chức năng và tương đương, Thủ trưởng các đơn vị thành viên, các đơn vị thuộc, trực thuộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHCNĐN.



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Hoàng Văn Hùng

QUY ĐỊNH

Về hoạt động khoa học và công nghệ của Đại học Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 4 năm 2023
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về hoạt động khoa học và công nghệ của Đại học Thái Nguyên (sau đây viết tắt là ĐHTN) gồm: Tổ chức và quản lý hoạt động khoa học, công nghệ; hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong Đại học Thái Nguyên.

2. Quy định này áp dụng đối với các trường đại học thành viên; phân hiệu ĐHTN, các đơn vị thuộc và trực thuộc (sau đây gọi chung là các đơn vị); nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh trong ĐHTN; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong ĐHTN.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tiềm lực khoa học và công nghệ bao gồm nhân lực khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ, cơ sở vật chất, thông tin và nguồn tài chính thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Hoạt động khoa học và công nghệ trong ĐHTN và các đơn vị là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ gắn kết với đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước.

3. Nhóm nghiên cứu mạnh của ĐHTN và các đơn vị là tập thể các nhà khoa học do một nhà khoa học có uy tín, có năng lực, trình độ chuyên môn cao tại đơn vị đứng đầu dẫn dắt phát triển một hướng nghiên cứu có tính liên ngành, dài hạn, có tính tiên phong, đột phá; có mục tiêu, kế hoạch, nội dung nghiên cứu trong từng giai đoạn cụ thể để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ.

4. Hoạt động đổi mới sáng tạo trong ĐHTN và các đơn vị là hoạt động tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý của đơn vị (gọi chung là sản phẩm sở hữu trí tuệ) để có thể mua bán, nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị của sản phẩm, hàng hóa, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Điều 3. Nội dung và kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ trong Đại học Thái Nguyên

1. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ trong ĐHTN và các đơn vị bao gồm:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, bao gồm: chương trình, đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm, nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

b) Sở hữu trí tuệ; ứng dụng và chuyển giao, thương mại hóa sản phẩm sở hữu trí tuệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; dịch vụ khoa học và công nghệ; sản xuất kinh doanh.

c) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý, giảng viên về nghiên cứu khoa học.

d) Dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm liên ngành và chuyên ngành, dự án nâng cấp tạp chí khoa học, dự án sửa chữa, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, số hóa thư viện, hạ tầng thông tin

đ) Nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên sau đại học (sau đây gọi chung là người học) nghiên cứu viên, cán bộ, viên chức trong ĐHTN và các đơn vị.

e) Hợp tác khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

g) Thông tin, thống kê về khoa học và công nghệ.

h) Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho giảng viên, người học, các tổ chức, cá nhân liên quan; thành lập, thúc đẩy hoạt động của các trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

i) Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ

k) Các nội dung hoạt động khoa học và công nghệ khác có liên quan.

2. ĐHTN xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ dài hạn, hằng năm theo nội dung khoa học và công nghệ tại khoản 1 Điều này và trên cơ sở chiến lược phát triển của ĐHTN; mục tiêu, kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nhu cầu hợp tác với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế để đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Các đơn vị xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ dài hạn, hằng năm của đơn vị theo định hướng phát triển khoa học và công nghệ của ĐHTN.

Điều 4. Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong ĐHTN

1. ĐHTN tổ chức thực hiện quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ theo nguyên tắc sau đây:

a) Hoạt động khoa học và công nghệ cùng hoạt động đào tạo là nhiệm vụ chính của và các đơn vị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước..

b) Xác định rõ vai trò, quyền và trách nhiệm của các đơn vị, giảng viên và người học trong cơ sở giáo dục đại học đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

c) Kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị thuộc và trực thuộc, giảng viên, người học trong toàn Đại học là căn cứ để xem xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách có liên quan.

2. Bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của ĐHTN là Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại. ĐHTN quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại; các đơn vị quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý khoa học và công nghệ của đơn vị phù hợp với định hướng phát triển chung của Đại học và của đơn vị mình.

3. Bộ phận quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị có các giảng viên kiêm nhiệm, cán bộ chuyên trách và các chuyên gia kiêm nhiệm công tác chuyên môn từ các đơn vị thuộc và trực thuộc để tư vấn thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của đơn vị.

Điều 5. Tổ chức khoa học và công nghệ trong Đại học Thái Nguyên và các đơn vị

1. ĐHTN quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Đại học trong quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên; quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định.

2. Căn cứ hiệu quả hoạt động và định hướng phát triển, ĐHTN quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị quyết định việc chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc hoặc trực thuộc đủ điều kiện thành doanh nghiệp theo quy định.

Điều 6. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong Đại học Thái Nguyên và các đơn vị

1. ĐHTN và các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc được thành lập doanh nghiệp theo pháp luật về doanh nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển của Đại học và của các đơn vị trực thuộc.

2. ĐHTN và các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc được góp vốn bằng tài sản trí tuệ là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý sử dụng để liên doanh, liên kết nếu đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan khác.

3. ĐHTN và các đơn vị được sử dụng các tài sản tại khoản 2 Điều này theo hình thức ghi tăng tài sản, theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Việc thương mại hóa và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh của ĐHTN

1. ĐHTN xây dựng, thành lập và là đơn vị chủ trì của các nhóm nghiên cứu do ĐHTN thành lập; các đơn vị căn cứ vào nhu cầu, tiềm lực và chiến lược phát triển của đơn vị để xây dựng, thành lập và là đơn vị chủ trì của các nhóm nghiên cứu của đơn vị.

2. Các nhóm nghiên cứu mạnh của ĐHTN do ĐHTN công nhận căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn, quy định về nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh của Đại học Thái Nguyên.

3. ĐHTN ban hành quy định về nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh của Đại học Thái Nguyên, trong đó quy định điều kiện thành lập nhóm nghiên cứu, điều kiện công nhận nhóm nghiên cứu mạnh và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh. Quy định về quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhóm nghiên cứu, trưởng nhóm và các thành viên nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh. Quy định về kinh phí đầu tư cho hoạt động của các nhóm nghiên cứu và các quy định khác của Nhà nước.

Chương III

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Điều 8. Hoạt động sở hữu trí tuệ trong Đại học Thái Nguyên

1. ĐHTN xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động sở hữu trí tuệ, ban hành quy chế khai thác tài sản trí tuệ đã được Nhà nước bảo hộ và sử dụng tài sản trí tuệ hợp pháp khác của cơ sở giáo dục đại học, trong đó:

a) Trường hợp tài sản trí tuệ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì ĐHTN được quyền sở hữu và hoàn trả giá trị theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp tài sản trí tuệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đóng góp của nhà tài trợ, ĐHTN thỏa thuận với nhà tài trợ về việc giao quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu kết quả nghiên cứu và chia sẻ lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh khi kết quả nghiên cứu được ứng dụng.

2. ĐHTN có trách nhiệm hoặc phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các tài sản trí tuệ khác tạo ra từ kinh phí của ĐHTN và từ ngân sách Nhà nước mà ĐHTN được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

Điều 9. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, người học trong Đại học Thái Nguyên

1. Giảng viên, nghiên cứu sinh được tạo điều kiện tham gia hoặc làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của ĐHTN và của các đơn vị.

2. Học viên được tạo điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của ĐHTN và của các đơn vị.

3. Sinh viên được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học và hoạt động khoa học và công nghệ.

4. ĐHTN ưu tiên bảo đảm các nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học của người học; quy định mức chi 20% từ mức chi 5% nguồn thu từ học phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, hỗ trợ học bổng và tài trợ nghiên cứu khoa học của học viên và nghiên cứu sinh; tạo điều kiện về thời gian để thu hút sinh viên, học viên tham gia nghiên cứu khoa học.

5. ĐHTN hướng dẫn các đơn vị quy định số giờ nghiên cứu khoa học cho giảng viên hướng dẫn đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên; quy định chế độ ưu đãi cho giảng viên hướng dẫn đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đạt giải thưởng khoa học và công nghệ các cấp.

6. ĐHTN quy định chế độ khen thưởng, ưu đãi cho giảng viên và các hình thức khen thưởng, cấp học bổng cho người học có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 10. Hoạt động chuyển giao công nghệ trong Đại học Thái Nguyên

1. ĐHTN và các đơn vị phổ biến các kết quả nghiên cứu, giới thiệu thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật, tạo điều kiện cho các tập thể, cá nhân ứng dụng và chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn cuộc sống và sản xuất kinh doanh, đồng thời thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ trong ĐHTN.

2. ĐHTN khuyến khích các đơn vị, giảng viên, người học thực hiện các dự án chuyên giao công nghệ, hướng dẫn thủ tục pháp lý, ký kết hợp đồng, đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

3. ĐHTN tổ chức chuyển giao công nghệ hoặc ủy quyền cho các đơn vị chuyên giao công nghệ cho các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định, trừ kết quả khoa học và công nghệ thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.

Điều 11. Hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Đại học Thái Nguyên, các đơn vị và doanh nghiệp ngoài Đại học Thái Nguyên

1. ĐHTN và các đơn vị tìm hiểu nhu cầu đổi mới công nghệ và đổi mới sản phẩm của doanh nghiệp trong các lĩnh vực liên quan, kết nối hợp tác nghiên cứu giải quyết nhu cầu của doanh nghiệp, thỏa thuận và ký kết văn bản hợp tác với doanh nghiệp.

2. ĐHTN và các đơn vị được hợp tác với doanh nghiệp đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung tại ĐHTN và tại các đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đầu tư công và các quy định có liên quan; tham gia ký kết hợp đồng tư vấn, thẩm định, giám định về công nghệ đối với dự án sản xuất mới, nhập khẩu công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp theo thỏa thuận.

3. ĐHTN và các đơn vị được nhận tài trợ bằng tiền hoặc trang thiết bị của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và khai thác theo thỏa thuận với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về tài trợ, viện trợ.

4. ĐHTN và các đơn vị được góp vốn bằng tài sản trí tuệ để liên doanh, liên kết với doanh nghiệp ngoài ĐHTN theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và được chia lợi nhuận từ hoạt động liên doanh, liên kết theo quy định. Doanh nghiệp được chia sẻ quyền sở hữu trí tuệ khi nhận chuyển giao công nghệ từ ĐHTN và các đơn vị theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ.

5. ĐHTN và các đơn vị căn cứ các quy định về nghiên cứu khoa học của giảng viên để tính giờ nghiên cứu cho giảng viên tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp có hợp tác với ĐHTN.

6. ĐHTN và các đơn vị thỏa thuận với doanh nghiệp trong việc sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để chi trả tiền công, thuê chuyên gia là giảng viên, học viên của Đại học nhằm thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

7. ĐHTN hoặc các đơn vị hợp tác với doanh nghiệp đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung tại ĐHTN hoặc các đơn vị để hợp tác nghiên cứu cải tiến, phát triển công nghệ, ứng dụng và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới nhằm phát triển công nghệ của doanh nghiệp theo quy chế quản lý và hoạt động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định khác có liên quan.

8. ĐHTN xây dựng chính sách thu hút cán bộ kỹ thuật và quản lý có trình độ phù hợp của doanh nghiệp tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đào tạo, giảng dạy môn học chuyên ngành và các kỹ năng chuyên môn, hướng dẫn nghiên cứu, thực hành, thực tập tại ĐHTN; khuyến khích giảng viên của ĐHTN tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp.

Điều 12. Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong Đại học Thái Nguyên và các đơn vị

1. ĐHTN và các đơn vị ban hành quy định hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo dành cho giảng viên và người học, phát triển và hình thành văn hóa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong ĐHTN.

2. ĐHTN và các đơn vị hình thành và phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của ĐHTN và của các đơn vị, phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học khác phát triển mạng lưới khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

3. ĐHTN và các đơn vị xây dựng chương trình ươm tạo, chương trình đào tạo về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo dành cho giảng viên và người học; hình thành và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo từ ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và kết quả nghiên cứu của giảng viên và người học.

4. ĐHTN và các đơn vị hỗ trợ thành lập doanh nghiệp và đăng ký doanh nghiệp khoa học và công nghệ để thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ đã được Nhà nước bảo hộ nhằm phát triển thị trường và huy động vốn từ thị trường, tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi của nhà nước cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

5. ĐHTN và các đơn vị sở hữu bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích đã được Nhà nước bảo hộ thành lập doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp khoa học và công nghệ nhằm khai thác, hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm theo quy định; ban hành quy chế và thực hiện quy định về chuyển nhượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân ngoài ĐHTN để có nguồn tài chính tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ cho ĐHTN theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công và các pháp luật khác có liên quan.

6. ĐHTN và các đơn vị liên kết với tổ chức, cá nhân thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Đại học và của các đơn vị theo quy định để hình thành, phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung; phát triển mạng lưới khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, mạng lưới chuyên gia, cố vấn, tư vấn hỗ trợ các khóa huấn luyện, đào tạo, các tổ chức thúc đẩy kinh doanh, quỹ hỗ trợ vốn đầu tư mạo hiểm; kết nối với mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia theo quy định.

Điều 13. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

1. ĐHTN và các đơn vị xây dựng kế hoạch đẩy mạnh hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài về khoa học và công nghệ phù hợp với các hiệp định hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài, hoặc thỏa thuận hợp tác giữa ĐHTN với tổ chức, cá nhân nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.

2. ĐHTN và các đơn vị lựa chọn đối tác nước ngoài có uy tín và kinh nghiệm để hợp tác nghiên cứu, thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chịu trách nhiệm về nội dung và phạm vi hợp tác, bảo đảm về an ninh chính trị và bí mật quốc gia; mời hoặc thuê chuyên gia nước ngoài tham gia nghiên cứu và đào tạo trình độ cao; hỗ trợ một phần học bổng cho giảng viên và người học, bồi dưỡng, trao đổi học thuật ở nước ngoài, hoặc hỗ trợ thù lao cho chuyên gia nước ngoài từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của ĐHTN và của các đơn vị.

3. ĐHTN và các đơn vị được hợp tác xây dựng phòng thí nghiệm giữa ĐHTN với đối tác nước ngoài gắn với việc thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định.

4. ĐHTN và các đơn vị xây dựng chính sách đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công bố khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín; thúc đẩy nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học công nghệ của ĐHTN đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới; chủ trì hoặc tham gia tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế trong một số lĩnh vực có thế mạnh và mời nhà khoa học nước ngoài cùng chủ trì; tổ chức mạng lưới phản biện quốc tế chuyên nghiệp và có uy tín, xuất bản kỷ yếu và ấn phẩm khoa học khác theo tiêu chuẩn quốc tế.

5. ĐHTN và các đơn vị mời chuyên gia và ký kết hợp đồng với nhà khoa học có uy tín, nghiên cứu sinh nước ngoài đến hợp tác, làm việc và thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo tiến sĩ tại ĐHTN và tại các đơn vị. ĐHTN cử cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, thành viên nhóm nghiên cứu mạnh ra nước ngoài học tập và nghiên cứu.

6. ĐHTN và các đơn vị được sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để ký kết hợp đồng chuyên môn với chuyên gia là người nước ngoài; được nhận tài trợ bằng tiền hoặc trang thiết bị từ đối tác nước ngoài cho hoạt động khoa học và công nghệ và sử dụng theo thỏa thuận với đối tác theo quy định.

7. ĐHTN và các đơn vị tạo điều kiện và cùng cán bộ, giảng viên ký kết hợp đồng chuyên môn, tham gia nhóm nghiên cứu của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài; chịu trách nhiệm về việc cử, quản lý cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động hợp tác, nghiên cứu với nước ngoài theo quy định.

Điều 14. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

1. ĐHTN và các đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động thông tin khoa học và công nghệ, đẩy mạnh nâng cấp tạp chí khoa học của đơn vị (nếu có) theo hướng chuyển đổi số; tạo lập và phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ; khai thác, sử dụng thông tin khoa học và công nghệ; phổ biến, trao đổi các nguồn thông tin khoa học và công nghệ; triển khai các nghiệp vụ thông tin khoa học và công nghệ.

2. ĐHTN và các đơn vị xây dựng, phát triển hạ tầng thông tin, tham gia xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ khác bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất; thiết lập, triển khai các mạng thông tin khoa học và công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin, thống kê khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng các trang thông tin và Cổng thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; xây dựng thư viện điện tử, thư viện số; lưu giữ và công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của ĐHTN.

3. ĐHTN xây dựng chính sách khuyến khích phát triển khoa học giáo dục mở, xây dựng chính sách ưu đãi đối với giảng viên tham gia phát triển tài nguyên giáo dục mở, khóa học trực tuyến mở đại chúng, chuyển các kết quả nghiên cứu khoa học cơ bản sử dụng ngân sách nhà nước thành tài nguyên giáo dục mở.

Điều 15. Liêm chính học thuật

1. ĐHTN ban hành bộ quy tắc về liêm chính học thuật trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm nguyên tắc trung thực, trách nhiệm, công bằng, minh bạch phù hợp với thực tiễn và theo thông lệ quốc tế.

2. ĐHTN và các đơn vị ban hành các quy định nội bộ, công cụ để kiểm soát, biện pháp xử lý vi phạm để ngăn chặn hành vi đạo văn, gian lận và bịa đặt trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương IV
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TẠI ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Điều 16. Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ

Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ tại ĐHTN và các đơn vị, bao gồm các nội dung sau đây:

1. Xây dựng phòng thí nghiệm tập trung, dùng chung, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành hiện đại và đồng bộ; phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học.

2. Hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, khu làm việc chung trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của ĐHTN và các đơn vị.

3. Số hóa thư viện trong ĐHTN để khai thác cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài.

4. Mua cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ; mua công nghệ, hỗ trợ chuyển giao và nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài theo quy định.

5. Các nội dung khác theo quy định.

Điều 17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên

1. ĐHTN thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của ĐHTN được hình thành từ các nguồn sau đây:

a) Kinh phí trích từ nguồn thu học phí.

b) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hiến, tặng của cựu sinh viên hoặc của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

c) Các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của ĐHTN được chi cho các nội dung sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Đại học; thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ và tương đương trở lên có yêu cầu đối ứng kinh phí từ nguồn khác ngoài ngân sách Nhà nước.

b) Hỗ trợ các loại hình nhóm nghiên cứu, giảng viên công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và nước ngoài, mua tài liệu khoa học; mua bản quyền, cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ;

mua quyền sở hữu và sử dụng công nghệ; mời chuyên gia tham dự hội nghị, hội thảo; hỗ trợ thù lao hợp đồng thuê khoán chuyên môn được ký kết với chuyên gia; hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ các nhóm khởi nghiệp của người học và giảng viên.

c) Chi khen thưởng các giảng viên cơ hữu và người học có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ trong nước, quốc tế.

d) Chi thưởng cho tác giả chính bài báo là giảng viên cơ hữu của ĐHTN được công bố trên tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS, SCOPUS; tác giả sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc giống cây trồng; Mức chi bằng hoặc cao hơn mức chi tối thiểu theo quy định của Nhà nước.

đ) Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật, sửa chữa, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, tăng cường năng lực nghiên cứu để phát triển khoa học và công nghệ.

e) Tài trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên trẻ; hỗ trợ học bổng cho học viên và nghiên cứu sinh.

g) Tài trợ kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi nhóm nghiên cứu mạnh của ĐHTN tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

h) Thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân tài trợ, đặt hàng theo thỏa thuận với nhà tài trợ.

i) Thực hiện hoạt động đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

k) Thực hiện thuê tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài để tư vấn, quản lý hoạt động đầu tư của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học; thực hiện ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

l) Thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác của ĐHTN.

4. ĐHTN ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ và có trách nhiệm quản lý, sử dụng quỹ theo đúng mục đích thành lập quỹ.

Điều 18. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ của Đại học Thái Nguyên

1. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ của ĐHTN bao gồm:

a) Ngân sách Nhà nước từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ, nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và nguồn sự nghiệp khác theo quy định.

b) Nguồn thu hợp pháp ngoài ngân sách Nhà nước của Đại học bao gồm nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, nguồn thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động đào tạo, hoạt động kinh doanh, phục vụ cộng đồng, đầu tư tài chính (nếu có) và nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

c) Tài trợ, viện trợ, hiến, tặng của cựu sinh viên hoặc của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cho hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Chi ngân sách Nhà nước cho phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của Đại học Thái Nguyên gồm các nội dung được phê duyệt theo quyết định giao ngân sách Nhà nước hàng năm và thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước về khoa học và công nghệ.

a) Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, các chính sách ưu đãi cho nhóm nghiên cứu mạnh; hỗ trợ kinh phí công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích; hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo và đổi mới công nghệ; hỗ trợ phát triển, nâng cao chất lượng tạp chí khoa học để gia nhập hệ thống trích dẫn khu vực và quốc tế; chi cho dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị; mua cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; chi thưởng bằng mức lương thấp nhất bình quân các vùng của khu vực doanh nghiệp (sau đây gọi chung là mức lương bình quân) cho công bố khoa học có giá trị, bằng 03 lần mức lương bình quân cho 01 sáng chế, bằng 02 lần mức lương bình quân cho 01 giải pháp hữu ích hoặc 01 giống cây trồng; chi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ và chi cho các hoạt động khoa học và công nghệ khác theo quy định.

b) Từ nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: Chi cho dự án phòng thí nghiệm đầu tư tập trung, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học và dự án đầu tư phát triển khoa học công nghệ khác.

c) Từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo: cấp học bổng, học phí, chi phí cho nghiên cứu sinh là giảng viên hoặc cam kết là giảng viên theo các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà nước theo quy định.

d) Từ nguồn sự nghiệp khác: Các nội dung đầu tư cho khoa học và công nghệ có thể bố trí phù hợp với pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

Các nội dung tài trợ, hỗ trợ không được trùng lặp với các tài trợ, hỗ trợ khác từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 19. Quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Đại học Thái Nguyên

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong ĐHTN được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước, một phần từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, việc lập dự toán ngân sách, quản lý tài chính, tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thủ tục thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, về khoa học công nghệ, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định liên quan.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc phương thức khoán chi từng phần theo quy định.

c) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng một phần kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, ĐHTN xác định rõ nội dung sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước để áp dụng các quy định phù hợp.

Quy trình lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng theo quy định tại điểm a khoản này; quy trình lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách Nhà nước

a) ĐHTN được đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp đại học, cấp bộ, cấp quốc gia từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ hoặc từ nguồn thu hợp pháp khác của ĐHTN khi các nhiệm vụ đăng ký đáp ứng đầy đủ tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở cấp đăng ký tương ứng.

b) Quy trình lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được áp dụng theo quy định về tài chính của ĐHTN. ĐHTN tổ chức thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ; trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi, ĐHTN ban hành tiêu chuẩn cơ sở để xem xét đánh giá.

4. Việc quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện riêng biệt và báo cáo đầy đủ với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Điều 20. Trách nhiệm của Đại học Thái Nguyên

1. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của ĐHTN và các đơn vị.

2. Xây dựng kế hoạch, huy động nguồn kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ; xây dựng dự án đầu tư cơ sở vật chất; thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, quỹ phát triển khoa học và công nghệ; hình thành các loại hình nhóm nghiên cứu và công nhận nhóm nghiên cứu mạnh của ĐHTN.

3. Tạo điều kiện làm việc, xây dựng năng lực và phát huy động lực, tôn trọng quyền tự do sáng tạo, tự chủ học thuật của giảng viên và người học; khen thưởng giảng viên và người học có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thúc đẩy hình thành doanh nghiệp và doanh nghiệp khoa học và công nghệ của ĐHTN.

5. Sử dụng đúng mục đích, đúng quy định, minh bạch, hiệu quả nguồn vốn đầu tư và chịu trách nhiệm giải trình về đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của ĐHTN.

6. Giám sát việc trích tối thiểu 5% từ nguồn thu học phí cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các đơn vị. Kinh phí trích từ nguồn thu học phí chỉ được sử dụng cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của người học, giảng viên cơ hữu và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ. Khuyến khích các đơn vị sử dụng nguồn thu hợp pháp khác để trích lập cho quỹ phát triển khoa học và công nghệ của đơn vị.

7. Quyết định ký kết hợp đồng lao động với chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ của ĐHTN và chịu trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Triển khai thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của đơn vị theo kế hoạch đã được ĐHTN phê duyệt.

2. Xây dựng kế hoạch, huy động nguồn kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ; xây dựng dự án đầu tư cơ sở vật chất; thành lập tổ chức khoa học và công

nghệ, doanh nghiệp, quỹ phát triển khoa học và công nghệ; căn cứ vào tiềm lực và chiến lược phát triển để hình thành các loại hình nhóm nghiên cứu và trình ĐHTN công nhận nhóm nghiên cứu mạnh của đơn vị.

3. Tạo điều kiện làm việc, xây dựng năng lực và phát huy động lực, tôn trọng quyền tự do sáng tạo, tự chủ học thuật của giảng viên và người học; khen thưởng giảng viên và người học có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của đơn vị. Thúc đẩy, tạo điều kiện hình thành doanh nghiệp và doanh nghiệp khoa học và công nghệ của đơn vị.

5. Bảo đảm sử dụng đúng mục đích, đúng quy định, minh bạch, hiệu quả nguồn vốn đầu tư và chịu trách nhiệm giải trình về đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của đơn vị.

6. Trích tối thiểu 5% từ nguồn thu học phí cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Kinh phí trích từ nguồn thu học phí chỉ được sử dụng cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của người học, giảng viên cơ hữu và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của đơn vị.

7. Quyết định ký kết hợp đồng lao động với chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị và chịu trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Điều 22. Chế độ báo cáo

Các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ định kỳ hằng năm theo quy định hoặc đột xuất, gửi về Đại học Thái Nguyên qua Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại để theo dõi, tổng hợp.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Điều khoản thi hành

Điều 2, Điều 3, Điều 4 Quyết định số 3920/QĐ-ĐHTN ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định về công tác quản lý khoa học và công nghệ của Đại học Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

Điều 24 Tổ chức thực hiện

1. Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại có trách nhiệm giúp Giám đốc ĐHTN kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này

2. Văn phòng, các Ban chức năng và tương đương, các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc trong cơ cấu tổ chức của Đại học Thái Nguyên chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 25. Quy định về sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Đại học Thái Nguyên (qua Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại) để xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.